

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số 112/2010/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 20 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư và quản lý
chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 200/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư và quản lý chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 135/2004/QĐ-UB ngày 26 tháng 11 năm 2004 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành “Quy định thẩm định công nghệ các dự án đầu tư và quản lý chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư và quản lý chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 112/2010/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này nhằm cụ thể hoá trình tự, thủ tục thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư và quản lý chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Các cơ quan tổ chức thẩm tra công nghệ dự án đầu tư; các tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc có nhu cầu thẩm tra công nghệ dự án đầu tư và tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Công nghệ*: Là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.

2. *Chuyển giao công nghệ*: Là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

3. *Dự án đầu tư*: Là tập hợp các đề xuất bỏ vốn trung và dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định.

4. *Thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư*: Là quá trình xem xét, đánh giá công nghệ của dự án; các sản phẩm do công nghệ tạo ra, thị trường sản phẩm; thiết bị trong dây chuyền công nghệ; nguyên, nhiên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; hiệu quả của dự án và những vấn đề khác có liên quan để kiến nghị việc phê duyệt dự án đầu tư.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ THẨM TRA CÔNG NGHỆ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 4. Đối tượng thẩm tra công nghệ

1. Các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh được phân cấp, có vốn đầu tư từ ba trăm tỷ đồng Việt Nam trở lên, bao gồm: các dự án đầu tư trên địa bàn ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.

2. Các dự án đầu tư bên trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế thực hiện việc thẩm tra công nghệ theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ, được quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

3. Các dự án đầu tư xây dựng công trình, nếu cơ quan thẩm định dự án có văn bản đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về công nghệ, phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ đối với công trình có yêu cầu công nghệ.

4. Các dự án đầu tư khác có nội dung về công nghệ mà chủ đầu tư có nhu cầu thẩm tra công nghệ.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị thẩm tra công nghệ

1. Hồ sơ đề nghị thẩm tra công nghệ bao gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm tra công nghệ dự án đầu tư;

b) Các tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

c) Giải trình kinh tế- kỹ thuật, trong đó nêu rõ giải pháp về công nghệ bao gồm: quy trình công nghệ; phân tích và lựa chọn phương án công nghệ; danh mục máy móc, trang thiết bị; dây chuyền công nghệ; đánh giá tác động của công nghệ đến môi trường và hiệu quả kinh tế- xã hội;

d) Dự thảo hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu dự án đầu tư có nội dung góp vốn bằng công nghệ), mẫu quy định tại Phụ lục 1.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm tra công nghệ được lập thành tám bộ, trong đó có một bộ gốc và bảy bộ sao.

Điều 6. Cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ thẩm tra công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với ngành có liên quan để thẩm tra công nghệ trong các trường hợp sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND tỉnh, nếu có vốn đầu tư từ ba trăm tỷ đồng Việt Nam trở lên, chuyển hồ sơ sang Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm tra công nghệ.

2. Cơ quan thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình tiếp nhận hồ sơ dự án, chuyển hồ sơ sang Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Chủ đầu tư có nhu cầu thẩm tra công nghệ đối với các dự án đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Nội dung thẩm tra công nghệ

1. Công nghệ của dự án, thẩm tra các nội dung sau:

a) Xem xét công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao;

b) Xem xét sự hoàn thiện của công nghệ: Các công đoạn trong dây chuyền sản xuất nhằm tạo ra được các sản phẩm đã dự kiến cả về số lượng và chất lượng;

c) Xem xét mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ;

d) Lựa chọn công nghệ: Phân tích, so sánh ưu, nhược điểm của từng phương án công nghệ nêu trong dự án đầu tư và trên cơ sở xem xét tính hoàn thiện của công nghệ, mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ, tính thích hợp của công nghệ để nhận xét về phương án công nghệ được chọn.

2. Các sản phẩm do công nghệ tạo ra, thị trường sản phẩm, thẩm tra các nội dung sau:

a) Dự báo nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, có tính đến các sản phẩm cùng loại, độ tin cậy của dự báo;

b) Dự báo thị phần của sản phẩm do công nghệ tạo ra, tỷ lệ xuất khẩu;

c) Tính hợp lý về quy mô công nghệ;

d) Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được áp dụng;

đ) Khả năng cạnh tranh (về chất lượng, mẫu mã, giá thành) của sản phẩm do công nghệ tạo ra.

3. Thiết bị trong dây chuyền công nghệ thẩm tra các nội dung sau:

a) Thiết bị trong dây chuyền công nghệ được xem xét trên cơ sở thiết bị đó có tính năng, chất lượng phù hợp với yêu cầu của công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng và số lượng như dự kiến;

b) Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ;

c) Trên cơ sở danh mục các thiết bị của dự án đầu tư, cần xem xét cụ thể về xuất xứ của thiết bị (nước sản xuất, hãng sản xuất); ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị (mới hay cũ); thời gian bảo hành;

d) Phương thức mua sắm thiết bị.

đ) Trong các dự án đầu tư, khuyến khích sử dụng thiết bị mới, nếu trường hợp nhập khẩu các thiết bị đã qua sử dụng thì phải tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

4. Nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất thẩm tra các nội dung sau:

a) Xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án;

b) Xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm;

c) Xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường.

5. Hiệu quả của dự án thẩm tra các nội dung sau:

a) Các lợi ích kinh tế- xã hội do dự án mang lại;

b) Hiệu quả của công nghệ đối với địa phương, ngành.

6. Thẩm tra những vấn đề khác có liên quan (nếu có).

Điều 8. Trình tự và thời gian thẩm tra công nghệ

Trong thời gian năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm tra công nghệ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu và có ý kiến thẩm tra về công nghệ bằng văn bản trả lời tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Trường hợp hồ sơ thẩm định phải điều chỉnh, bổ sung thì thời gian thẩm định được tính từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; cụ thể:

1. Trong thời gian hai ngày làm việc, đối với dự án có nội dung công nghệ rõ ràng, thuộc chuyên môn mà cán bộ làm công tác thẩm tra công nghệ nắm vững, Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp xử lý và có ý kiến bằng văn bản trả lời. Phiếu thẩm tra công nghệ dự án đầu tư và nội dung của văn bản thẩm tra công nghệ dự án đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 và 3.

2. Đối với những dự án có nội dung công nghệ phức tạp, có tính liên ngành hoặc có phạm vi ảnh hưởng rộng, đòi hỏi phải có ý kiến của các chuyên gia và các cơ quan chuyên ngành, tùy theo mức độ phức tạp về công nghệ của dự án đầu tư, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến phản biện của cá nhân hoặc tổ chức chuyên ngành, tổ chức hội nghị tư vấn hoặc thành lập hội đồng thẩm định để xem xét. Cụ thể:

a) Trong thời gian ba ngày làm việc, đối với những dự án cần phải lấy ý kiến của chuyên gia, Sở Khoa học và Công nghệ gửi hồ sơ dự án đến chuyên gia để lấy ý kiến góp ý. Chuyên gia được gửi lấy ý kiến phải là người có trình độ chuyên môn phù hợp và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên ngành cần thẩm tra. Phiếu đánh giá của chuyên gia đối với công nghệ của dự án đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 4.

b) Trong thời gian bốn ngày làm việc, đối với những dự án cần phải tổ chức hội nghị tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức hội nghị. Thành phần được mời phải là những chuyên gia chuyên ngành, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cần thẩm tra và đại diện các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan. Biên bản hội nghị tư vấn phải thể hiện đầy đủ các ý kiến thảo luận, kết luận của người chủ trì hội nghị và có danh sách đại biểu tham dự kèm theo. Biên bản hội nghị tư vấn thẩm tra công nghệ của dự án đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.

c) Trong thời gian năm ngày làm việc, đối với những dự án cần phải tổ chức hội đồng thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định công nghệ của dự án đầu tư. Hội đồng thẩm định phải có tối thiểu bảy thành viên, trong đó 2/3 là các chuyên gia chuyên ngành, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực cần thẩm tra. Chủ tịch hội đồng phải là chuyên gia đầu ngành, có uy tín trong lĩnh vực cần thẩm tra. Kết luận của hội đồng là cơ sở để cơ quan tổ chức thẩm tra công nghệ có ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư. Phiếu đánh giá của thành viên hội đồng thẩm định công nghệ của dự án đầu tư và Biên bản hội đồng thẩm định công nghệ của dự án đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 và 7.

Điều 9. Nguồn kinh phí hỗ trợ công tác thẩm tra công nghệ

1. Đối với các dự án đầu tư thuộc diện bắt buộc phải thẩm tra công nghệ: Kinh phí hỗ trợ công tác thẩm tra công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ lập dự toán kinh phí, bố trí trong dự toán chi thường xuyên được giao hàng năm.

2. Đối với các dự án còn lại, kinh phí thẩm tra công nghệ do tổ chức, cá nhân có yêu cầu thẩm tra công nghệ nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Nội dung, mức chi cho công tác thẩm tra công nghệ

Nội dung chi, mức chi cho công tác thẩm tra công nghệ, việc chấp hành và quyết toán kinh phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2009/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 11. Hình thức chuyển giao công nghệ

Việc chuyển giao công nghệ được thực hiện thông qua một trong các hình thức sau đây:

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ độc lập;
2. Phần chuyển giao công nghệ trong dự án hoặc hợp đồng sau đây:
 - a) Dự án đầu tư;
 - b) Hợp đồng nhượng quyền thương mại;
 - c) Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp;
 - d) Hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao công nghệ;

3. Việc giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện thông qua hợp đồng bằng văn bản hoặc hình thức khác có giá trị tương đương văn bản, bao gồm điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn Nhà nước

Trường hợp sử dụng vốn nhà nước để nhận chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư hoặc sử dụng nhiều nguồn vốn để nhận chuyển giao công nghệ, trong đó nguồn vốn nhà nước chiếm tỷ lệ từ 51% trở lên thì bên nhận công nghệ phải lập phương án nhận chuyển giao công nghệ, trong đó nêu rõ nội dung chuyển giao công nghệ và giá ước tính của công nghệ để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư. Bên nhận công nghệ phải chịu trách nhiệm về nội dung chuyển giao công nghệ và giá thanh toán cho công nghệ được chuyển giao theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Điều 13. Chuyển giao công nghệ trong dự án hoặc trong hợp đồng nhượng quyền thương mại, hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao công nghệ

Dự án đầu tư hoặc trong hợp đồng nhượng quyền thương mại, hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị có nội dung chuyển giao công nghệ, khi lập dự án hoặc hợp đồng đó phải tách nội dung và chi phí chuyển giao công nghệ thành một phần riêng trong dự án hoặc hợp đồng.

Điều 14. Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, Danh mục công nghệ cấm chuyển giao

1. Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao ban hành kèm theo Phụ lục 8.
2. Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao ban hành kèm theo Phụ lục 9.
3. Danh mục công nghệ cấm chuyển giao ban hành kèm theo Phụ lục 10.

Điều 15. Đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

Hợp đồng chuyển giao công nghệ không bắt buộc phải đăng ký, nhưng các bên tham gia giao kết hợp đồng có quyền đăng ký nếu có nhu cầu. Trong thời gian chín mươi ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam) thay mặt các bên gửi hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 16. Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ bao gồm:
 - a) Đơn đề nghị đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ, theo mẫu quy định tại Phụ lục 11;
 - b) Bản gốc hoặc bản sao có công chứng hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Hợp đồng phải được các bên ký kết, đóng dấu và có chữ ký tắt của các bên, đóng dấu giáp lai vào các trang của hợp đồng và phụ lục nếu một trong các bên tham gia hợp đồng là tổ chức;
 - c) Văn bản về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp đồng: bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép phù hợp ngành nghề được hoạt động;
 - d) Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên, ký tên trong hợp đồng;
 - đ) Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có sử dụng vốn nhà nước);
 - e) Giấy uỷ quyền (trong trường hợp uỷ quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ).

2. Đầu môi tiếp nhận hồ sơ

Bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước) hoặc bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ ra nước ngoài) thay mặt các bên gửi ba bộ hồ sơ, trong đó có ít nhất một bộ hồ sơ gốc đến Sở Khoa học và Công nghệ nơi bên nhận hoặc bên giao đặt trụ sở chính.

Điều 17. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc dự án đầu tư không do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đầu tư và không thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao. Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 12.

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ được gửi một bản đến Bộ Khoa học và Công nghệ để quản lý, tổng hợp.

2. Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ là cơ sở để hưởng các ưu đãi theo quy định.

3. Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Thời hạn xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp hồ sơ đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ phải điều chỉnh, bổ sung thì thời gian xử lý hồ sơ được tính từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 19. Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ để đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng một phần nghìn tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá mười triệu đồng và tối thiểu không dưới ba triệu đồng.

2. Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng một phần nghìn tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá năm triệu đồng và tối thiểu không dưới hai triệu đồng.

Điều 20. Thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ

Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Điều 21. Hợp đồng chuyển giao công nghệ không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ mà nội dung không có các đối tượng công nghệ bao gồm một phần hoặc toàn bộ công nghệ sau đây:

a) Bí quyết kỹ thuật;

b) Kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu;

c) Giải pháp hợp lý hoá sản xuất, đổi mới công nghệ.

Đối tượng công nghệ được chuyển giao có thể gắn hoặc không gắn với đối tượng sở hữu công nghiệp.

2. Hợp đồng chuyển giao công nghệ vi phạm quy định sau:

a) Lợi dụng hoạt động chuyển giao công nghệ làm tổn hại đến lợi ích quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

b) Huỷ hoại tài nguyên, môi trường; gây hậu quả xấu đến sức khoẻ con người, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc;

c) Chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao; chuyển giao công nghệ quy định trong hợp đồng chuyển giao công nghệ không được chuyển giao cho bên thứ ba;

d) Vi phạm quyền chuyển giao công nghệ về sở hữu, sử dụng công nghệ;

đ) Gian lận, lừa dối trong việc lập và thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ chuyển giao công nghệ và báo cáo thống kê chuyển giao công nghệ.

Điều 22. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Các bên không thực hiện chuyển giao công nghệ sau mười hai tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ;

b) Chuyển giao không đúng đối tượng công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ;

c) Giả mạo giấy tờ để đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ đã cấp.

3. Trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ và được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ mà bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ thì bên đã nhận ưu đãi phải hoàn trả nhà nước các khoản ưu đãi đã được nhận.

Điều 23. Báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ và đã thực hiện được trên một năm, mà có sử dụng vốn nhà nước chiếm tỷ lệ từ 51% trở lên để thực hiện chuyển giao công nghệ, hàng năm bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước) hoặc bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) có trách nhiệm báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ của năm trước gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Thời hạn gửi báo cáo thực hiện chuyển giao công nghệ là trước ngày mười lăm tháng một của năm kế tiếp; báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 13.

Điều 24. Đăng ký bổ sung, sửa đổi hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký, nếu các bên có thoả thuận bổ sung, sửa đổi nội dung hợp đồng thì phải gửi hợp đồng bổ sung, sửa đổi đến Sở Khoa học và Công nghệ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung, sửa đổi hợp đồng.

2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung, sửa đổi hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện tương tự đối với trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 25. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành**

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Tổ chức cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ;

b) Kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân thực hiện các kết luận về thẩm tra công nghệ và thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư có nội dung chuyển giao công nghệ, thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND tỉnh và chuyển hồ sơ sang Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm tra công nghệ trong thời gian quy định.

b) Phối hợp thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Các Sở, ban, ngành có liên quan: Phối hợp thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Các tổ chức, cá nhân khi tiến hành các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thuộc các đối tượng nêu trong Quy định này phải thực hiện thẩm tra công nghệ theo quy định.

Điều 26. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Hải

Phụ lục 1:**NHỮNG NỘI DUNG TRONG HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ****I. Các bên tham gia hợp đồng chuyển giao công nghệ:**

1. Bên giao công nghệ:

Tên (tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ:

Tel: ; Email: ; Fax:

Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

Tên người đại diện: ; Chức danh:

2. Bên nhận công nghệ:

Tên (tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ:

Tel: ; Email: ; Fax:

Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

Tên người đại diện: ; Chức danh:

II. Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ:

1. Tên hợp đồng chuyển giao công nghệ, trong đó ghi rõ tên công nghệ được chuyển giao;
2. Đối tượng công nghệ được chuyển giao, sản phẩm do công nghệ tạo ra;
3. Chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ;
4. Phương thức chuyển giao công nghệ;
5. Quyền và nghĩa vụ của các bên;
6. Giá, phương thức thanh toán;
7. Thời điểm, thời hạn hiệu lực của hợp đồng;
8. Khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong hợp đồng (nếu có);
9. Kế hoạch, tiến độ chuyển giao công nghệ, địa điểm thực hiện chuyển giao công nghệ;
10. Trách nhiệm bảo hành công nghệ được chuyển giao;
11. Phạt vi phạm hợp đồng;
12. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;
13. Pháp luật được áp dụng để giải quyết tranh chấp;
14. Cơ quan giải quyết tranh chấp;
15. Các thoả thuận khác không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO CÔNG NGHỆ*(Ký tên, đóng dấu)***ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN CÔNG NGHỆ***(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2**PHIẾU THẨM TRA CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ***(Trong giai đoạn thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư)*

Văn bản yêu cầu thẩm tra số :ngàythángnăm của

I. Những thông tin chung :

1. Tên Dự án đầu tư:

- Tiếng Việt :

- Tiếng nước ngoài :

2. Hình thức đầu tư:

3. Chủ đầu tư:

II. Nội dung thẩm tra công nghệ:

TT	NỘI DUNG THẨM TRA	TÓM TẮT THEO HỒ SƠ DỰ ÁN	Ý KIẾN CỦA NGƯỜI THẨM TRA
1	Hồ sơ dự án: kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ theo quy định.		
2	Các Bên thực hiện dự án: Tên, địa chỉ của chủ đầu tư hoặc người đại diện có thẩm quyền. Tư cách pháp nhân, năng lực chuyên môn và tài chính của chủ đầu tư trong lĩnh vực đầu tư của dự án.		
3	Mục tiêu, lĩnh vực hoạt động của dự án: - Sự cần thiết phải đầu tư. - Sự phù hợp của mục tiêu dự án với chủ trương, chính sách, quy hoạch của Nhà nước.		
4	Vốn đầu tư: - Tổng vốn đầu tư, vốn pháp định. - Phân kỳ đầu tư. - Xuất xứ nguồn vốn.		
5	Công nghệ: Quy trình công nghệ và đặc điểm nổi bật của công nghệ (ưu điểm). Sự hoàn thiện của công nghệ. - Mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ. - Tính mới của công nghệ. - Tính thích hợp của công nghệ. - Phương án lựa chọn công nghệ. - Dự thảo Hợp đồng CGCN (nếu dự án có góp vốn bằng công nghệ)		
6	Thiết bị trong dây chuyền công nghệ: - Ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật. - Xuất xứ của thiết bị. - Công suất của thiết bị. - Năm chế tạo thiết bị. - Tình trạng của thiết bị (mới, cũ). - Thời gian bảo hành. - Phương thức mua sắm thiết bị (có đấu thầu hay không? Lý		

	do?).		
7	<ul style="list-style-type: none"> - Các sản phẩm của dự án, thị trường sản phẩm: - Dự báo nhu cầu thị trường (trong nước, khu vực và thế giới); Dự báo thị phần của sản phẩm do công nghệ tạo ra, tỷ lệ xuất khẩu. - Tính hợp lý về quy mô công nghệ. - Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. - Khả năng cạnh tranh của sản phẩm (về chất lượng, mẫu mã, giá thành). 		
8	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất: - Khả năng khai thác, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án. - Chung loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm. - Chung loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại hoặc sử dụng nguyên liệu tại địa phương hoặc nguyên vật liệu trong nước phục vụ sản xuất. Khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường. 		
9	<ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm thực hiện dự án: - Diện tích đất. - Địa điểm lựa chọn có nằm trong Quy hoạch hay không ? - Lý do lựa chọn địa điểm (do yêu cầu của công nghệ, yêu cầu về nguồn nguyên liệu và lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực, giao thông,). 		
10	Thời hạn hoạt động của dự án		
11	<p>Hiệu quả của dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các lợi ích kinh tế-xã hội do dự án mang lại (khả năng tạo năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ đầu tư, v.v...) - Hiệu quả của công nghệ đối với sự phát triển của địa phương, ngành (góp phần đổi mới công nghệ sản xuất của địa phương, gia tăng giá trị sản phẩm, tạo sản phẩm chủ lực của địa phương. nâng cao trình độ công nghệ sản xuất của ngành). 		
12	<p>Những vấn đề khác có liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường; các giải pháp công nghệ xử lý môi trường, các khả năng xảy ra sự cố môi trường và cách phòng ngừa. - Lao động và đào tạo. - An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ v.v... 		
13	Kết luận :		

Bắc Giang, ngày ... tháng ... năm
CHUYÊN VIÊN THẨM TRA
(ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục 3**NỘI DUNG CỦA VĂN BẢN THẨM TRA CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ****1. Tóm tắt dự án**

1.1. Mục tiêu dự án.

1.2. Tổng vốn đầu tư, vốn pháp định, các giai đoạn đầu tư, xuất xứ nguồn vốn (vốn ngân sách nhà nước, vốn tự có của doanh nghiệp, vốn tư nhân ...).

1.3. Hình thức đầu tư (100% vốn nước ngoài, liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, ...), chủ đầu tư, người đại diện có thẩm quyền.

1.4. Địa điểm thực hiện dự án (vị trí, diện tích...).

1.5. Thời gian hoạt động của dự án.

2. Nhận xét về dự án

2.1. Về mục tiêu dự án:

Với mục tiêu nêu ở phần trên, cần đối chiếu với chủ trương, chính sách, quy hoạch của nhà nước xem có cần thiết, có phù hợp không và xem xét ý nghĩa kinh tế - xã hội của dự án để đưa ra chính kiến của người thẩm tra là ủng hộ hay phản đối mục tiêu của dự án. Có nhiều mức độ khác nhau để thể hiện chính kiến:

- Nếu dự án thuộc loại đặc biệt khuyến khích đầu tư thì trong bản nhận xét cần thể hiện cơ quan tổ chức thẩm tra công nghệ hoàn toàn nhất trí với mục tiêu của dự án và đề nghị dự án sớm được thực hiện.

- Nếu dự án thuộc loại khuyến khích đầu tư thì trong bản nhận xét cần thể hiện sự ủng hộ của cơ quan tổ chức thẩm tra công nghệ qua việc nhận xét dự án nên được khuyến khích đầu tư.

- Nếu dự án thuộc các loại trên nhưng có những điểm cần lưu ý thì trong Văn bản thể hiện sự đồng ý với mục tiêu của dự án và lưu ý các vấn đề cần bổ sung, làm rõ.

- Nếu dự án thuộc loại đầu tư có điều kiện thì cần thận trọng khi góp ý kiến và phải xem xét kỹ dự án có thỏa mãn các điều kiện theo quy định hay không để có ý kiến trong từng trường hợp cụ thể.

- Nếu dự án không phù hợp với các chủ trương, chính sách, quy hoạch của Nhà nước thì cần tỏ rõ chính kiến không đồng ý với mục tiêu của dự án.

2.2. Về công nghệ và thiết bị:

2.2.1. Về công nghệ:

- Nêu rõ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao hoặc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao (theo Phụ lục 8, 9, 10 ban hành kèm theo Quy định này).

- Nêu tóm tắt công nghệ của dự án: Quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công nghệ v.v...

- Nhận xét trực tiếp về công nghệ: Sự hoàn thiện của công nghệ, mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ, tính mới của công nghệ, tính thích hợp của công nghệ, phương án lựa chọn công nghệ.

- Nhận xét những yếu tố gián tiếp của công nghệ: Về nguyên nhiên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đối với dây chuyền công nghệ, v.v...

- Nếu có nội dung chuyển giao công nghệ thì lưu ý chủ đầu tư cần thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2.2.2. Về thiết bị:

Nêu nhận xét về thiết bị sử dụng trong dự án: Dây chuyền thiết bị có phù hợp với mục tiêu của dự án không? có đồng bộ không? Thiết bị của dự án là mới hay cũ. Nếu sử dụng thiết bị cũ thì có tuân thủ đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

2.3. Về những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ...), tư cách pháp nhân của chủ đầu tư .

- Hiệu quả của dự án (các lợi ích kinh tế do dự án mang lại, hiệu quả của công nghệ đối với sự phát triển của địa phương và của ngành).

-
- Các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường và các giải pháp công nghệ xử lý môi trường, các nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường và cách phòng ngừa.
 - Đánh giá những thuận lợi và cản trở về mặt bảo vệ môi trường đối với địa điểm thực hiện dự án.
 - Lao động và đào tạo.
 - An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, v.v...

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CỦA CHUYÊN GIA**

Về công nghệ dự án

1. Về mục tiêu của Dự án:
 - Đặc biệt khuyến khích
 - Khuyến khích
 - Cần xem xét thêm
2. Về công nghệ và thiết bị :
 - Về công nghệ :
 - + Quy trình công nghệ (nêu rõ ưu, nhược điểm).
 - + Sự hoàn thiện của công nghệ.
 - + Công nghệ thuộc loại tiên tiến/hiện đại hoặc lạc hậu.
 - + Tính mới của công nghệ.
 - + Tính thích hợp của công nghệ.
 - + Hiệu quả của công nghệ đối với sự phát triển của địa phương, ngành sản xuất.
 - +
 - Về thiết bị:
 - + Đánh giá sự phù hợp và tính đồng bộ của thiết bị đối với dây chuyền công nghệ.
 - + Tình trạng thiết bị có phù hợp với yêu cầu của sản xuất, với mục tiêu của dự án ?
3. Về bảo vệ môi trường:
 - + Nhận xét các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường (đặc biệt là nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường).
 - + Các giải pháp công nghệ xử lý môi trường.
 - + Những thuận lợi và khó khăn trong việc bảo vệ môi trường đối với địa điểm thực hiện dự án.
4. Về các vấn đề khác có liên quan:
 - + Về nguồn cung cấp nguyên liệu.
 - + Địa điểm đầu tư.
 - + Vốn.
 - + Năng lực của chủ đầu tư.
 - + Tư cách pháp nhân.
 - +
5. Kết luận:
 - + Ủng hộ:
 - + Không ủng hộ:
 - + Kiến nghị (nếu có) :

Bắc Giang, ngày .. tháng năm....
 CHUYÊN GIA
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục 5

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**HỘI NGHỊ TƯ VẤN THẨM TRA CÔNG NGHỆ
DỰ ÁN**

1. Ngày tổ chức hội nghị:
- Thời gian:
- Địa điểm:
2. Thành phần hội nghị gồm có:
 - Chủ trì:
 - Đại biểu:
 - + Đại biểu các Sở, Ban, Ngành:
 - + Chuyên gia:
 - +
3. Thư ký hội nghị giới thiệu đại biểu và nội dung chương trình làm việc.
4. Chuyên viên thẩm định báo cáo tóm tắt hồ sơ dự án.
5. Ý kiến nhận xét của các phản biện (nếu có).
 - Về mục tiêu của dự án:
 - Về công nghệ:
 - Về thiết bị:
 - Về các vấn đề có liên quan khác:
6. Ý kiến góp ý của các đại biểu dự họp:
7. Chủ tịch hội nghị kết luận:
 - Về chủ trương đầu tư :
 - Về công nghệ và thiết bị :
 - Về các vấn đề khác có liên quan :

Bắc Giang, ngày..... tháng..... năm

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ
(ký và ghi rõ họ, tên)

THƯ KÝ HỘI NGHỊ
(ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục 6

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày.... Tháng..... năm

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Họ và tên chuyên gia (học hàm, học vị):
 Ủy viên phản biện:
 Ủy viên Hội đồng:
2. Quyết định thành lập hội đồng:
3. Tên dự án:
4. Các tiêu chí đánh giá:
 - 4.1. Về mục tiêu của dự án:
 - 4.1. Về công nghệ của dự án:
 - 4.3. Về thiết bị của dự án:
 - 4.4. Về các vấn đề khác có liên quan:
5. Nhận xét và đánh giá tổng hợp về công nghệ của dự án:
6. Khuyến nghị của thành viên hội đồng về những điểm cần bổ sung, giải trình làm rõ:

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Kiến nghị nhất trí với công nghệ của dự án • Kiến nghị không nhất trí với công nghệ của dự án | |
|--|--|

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục 7

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày..... tháng..... năm

BIÊN BẢN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

A. Những thông tin chung

1. Tên dự án đầu tư:
2. Quyết định thành lập hội đồng:
3. Phiên họp hội đồng:
 - 3.1. Địa điểm họp:
 - 3.2. Thời gian họp:
 - 3.3. Thành viên hội đồng:

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, cơ quan công tác	Chức danh trong hội đồng
...			

- Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên hội đồng:/.....

- Số thành viên vắng mặt : người, gồm các thành viên:

4. Đại biểu tham dự cuộc họp:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
...		

B. Nội dung làm việc của hội đồng

1. Hội đồng thống nhất phương thức làm việc và cử Thư ký khoa học của hội đồng
2. Chủ đầu tư báo cáo tóm tắt dự án (nếu có)
3. Ý kiến nhận xét của các phản biện:
 - Về mục tiêu của dự án:
 - Về công nghệ của dự án:
 - Về thiết bị của dự án:
 - Về các vấn đề có liên quan khác:
4. Ý kiến của các thành viên hội đồng :
5. Giải trình của chủ đầu tư (nếu có):
6. Kết luận và kiến nghị của hội đồng:
 - 6.1. Kết quả đánh giá:
 - Về mục tiêu của dự án:
 - Về công nghệ và thiết bị:
 - Về các vấn đề khác có liên quan:
 - 6.2. Kiến nghị của Hội đồng:
 - Về mục tiêu:
 - Về công nghệ và thiết bị:
 - Về các vấn đề liên quan khác:

7. Kết quả bỏ phiếu:

Số phiếu kiến nghị nhất trí với công nghệ của dự án
Số phiếu kiến nghị không nhất trí với công nghệ của dự án

8. Kết luận của hội đồng :

Bắc Giang, ngày..... tháng..... năm

TM.HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH

(ký và ghi rõ họ, tên)

THƯ KÝ KHOA HỌC

(ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục 8**DANH MỤC CÔNG NGHỆ KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN GIAO**

1. Công nghệ nano.
2. Công nghệ chế tạo hệ thống vi cơ điện tử (MEMS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS) và thiết bị sử dụng MEMS, NEMS.
3. Công nghệ sản xuất mạch tích hợp, các bộ nhớ dung lượng cao.
4. Công nghệ sản xuất màn hình tinh thể lỏng (LCD), plasma.
5. Công nghệ chế tạo các thiết bị đo chính xác kỹ thuật số.
6. Công nghệ chế tạo các đầu cảm biến, các thiết bị đo điện tử;
7. Công nghệ chế tạo robot.
8. Công nghệ chế tạo các hệ mô phỏng giao tiếp người-máy thông qua ý nghĩ, cử chỉ, ngôn ngữ, hình ảnh.
9. Công nghệ ứng dụng mạng nơron trong xử lý ảnh.
10. Công nghệ chế tạo thiết bị cộng hưởng từ chẩn đoán bằng hình ảnh.
11. Công nghệ chế tạo các máy chụp X-quang cao tần, máy điện não, thiết bị lazer dùng trong y tế.
12. Công nghệ gia công vật liệu bằng siêu âm, tia lửa điện, plasma, laser, điều khiển kỹ thuật số.
13. Công nghệ chế tạo kim loại có độ tinh khiết cao.
14. Công nghệ chế tạo vật liệu xây dựng có tính năng đặc biệt.
15. Công nghệ sản xuất vật liệu dễ phân huỷ, thân môi trường.
16. Công nghệ chế tạo các vật liệu composit dạng dẻo, dạng bimetal.
17. Công nghệ chế tạo vật liệu gốm, sợi thủy tinh đặc biệt, sợi quang, sợi cacbon.
18. Công nghệ sản xuất chất xúc tác và vật liệu mới.
19. Công nghệ luyện, cán, kéo kim loại đặc biệt.
20. Công nghệ xử lý hàm lượng kẽm cao trong sản xuất gang.
21. Công nghệ sản xuất pin lithium, pin mặt trời.
22. Công nghệ sản xuất các loại sơn không sử dụng dung môi hữu cơ và kim loại nặng.

23. Công nghệ chế tạo thiết bị điều chỉnh tự động từ xa (nhiệt độ, áp suất, điện áp, lưu lượng, vòng quay) trên tàu thủy.
24. Công nghệ giảm tổn thất điện năng trong truyền tải điện.
25. Công nghệ sản xuất các sản phẩm tiết kiệm điện và sử dụng hiệu quả năng lượng.
26. Công nghệ sản xuất điện sử dụng năng lượng mặt trời, gió, địa nhiệt, sinh khối.
27. Công nghệ sản xuất nhiên liệu mới.
28. Công nghệ chế tạo tuabin thủy điện công suất 60MW.
29. Công nghệ nhân, tạo giống cây trồng, vật nuôi năng suất, chất lượng cao.
30. Công nghệ điều khiển thời gian ra hoa, kết trái và thu hoạch của các loại cây trồng.
31. Công nghệ tự động hoá quá trình chăn nuôi, trồng trọt và thu hoạch các loại rau, hoa quả.
32. Công nghệ tưới tiết kiệm nước.
33. Công nghệ bảo quản lạnh trứng, hợp tử động vật.
34. Công nghệ sản xuất vắc-xin bảo vệ sức khỏe người, động vật.
35. Công nghệ phát hiện sớm túi nước, túi khí $C_nH_n + 2$.
36. Công nghệ thi công công trình ngập trong nước.
37. Công nghệ cắt, hàn dưới nước.
38. Công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học (màng sinh học, màng thẩm thấu ngược).
39. Công nghệ nuôi tế bào gốc người, động vật.
40. Công nghệ sản xuất các bộ phận nhân tạo của con người.
41. Công nghệ sản xuất thuốc điều trị ung thư, tim mạch, tiểu đường, HIV/AIDS, thuốc cai nghiện ma túy, thuốc phục vụ sinh đẻ có kế hoạch.
42. Công nghệ phát hiện, thu gom, giám sát và xử lý các loại chất thải nguy hại.
43. Công nghệ dự báo lũ, động đất và các hiện tượng thiên tai khác.
44. Các công nghệ hiện đại hoá ngành nghề truyền thống./.

Phụ lục 9**DANH MỤC CÔNG NGHỆ HẠN CHẾ CHUYỂN GIAO****I. Công nghệ chuyển giao từ nước ngoài vào tỉnh Bắc Giang và trong lãnh thổ Việt Nam**

1. Công nghệ sản xuất đèn chiếu sáng bằng sợi đốt trong khí trơ.
2. Công nghệ sản xuất linh kiện điện tử chân không, linh kiện bán dẫn mức độ tích hợp thấp.
3. Công nghệ đồng phân hoá sử dụng các axit flohydric, axit sulfuric.
4. Công nghệ sản xuất bột ôxit titan có sử dụng axit sulfuric.
5. Công nghệ sản xuất các mạch in 1 lớp, 2 lớp.
6. Công nghệ in tiền và các loại giấy có mệnh giá.
7. Công nghệ tạo giống cây trồng, vật nuôi bằng phương pháp biến đổi gen trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.
8. Công nghệ sản xuất các loại thuốc sát trùng gia dụng, thuốc diệt côn trùng, diệt chuột bằng phương pháp sinh học.
9. Công nghệ sử dụng hoá chất độc trong nuôi, trồng và chế biến thuỷ sản.
10. Công nghệ sử dụng các loài sinh vật phi bản địa làm tác nhân xử lý, chỉ thị môi trường.
11. Công nghệ làm giàu các chất phóng xạ.

II. Công nghệ chuyển giao từ tỉnh Bắc Giang ra nước ngoài

12. Công nghệ sản xuất giống, nuôi, trồng thuỷ sản thuộc sản phẩm xuất khẩu chủ lực.
13. Công nghệ sản xuất thực phẩm thuộc ngành nghề truyền thống có sử dụng các chủng giống vi sinh vật có đặc tính quý hiếm./.

Phụ lục 10**DANH MỤC CÔNG NGHỆ CẤM CHUYỂN GIAO****I. Công nghệ chuyển giao từ nước ngoài vào tỉnh Bắc Giang và trong lãnh thổ Việt Nam**

1. Công nghệ sản xuất axit sulfuric bằng phương pháp tiếp xúc đơn, hấp thụ đơn.
2. Công nghệ in, sắp chữ bằng bản chì.
3. Công nghệ sản xuất pin bằng phương pháp hồ điện dịch.
4. Công nghệ điện phân dùng điện cực thuỷ ngân.
5. Công nghệ sản xuất sơn sử dụng thuỷ ngân.
6. Công nghệ sản xuất các sản phẩm hoá nổ bằng phương pháp thủ công.
7. Công nghệ sản xuất xi măng lò đứng.
8. Công nghệ sản xuất xi măng lò quay bằng phương pháp ướt.
9. Công nghệ nhân bản vô tính phôi người.
10. Công nghệ điều chế chất ma túy.
11. Công nghệ phá sóng, chèn sóng vô tuyến điện.
12. Công nghệ vô hiệu hoá các thiết bị ghi âm, ghi hình, đo, đếm, tính tải trọng, tốc độ phương tiện giao thông, trừ trường hợp phục vụ nhu cầu an ninh.
13. Công nghệ vô hiệu hoá thiết bị đo, đếm, tính lượng điện năng sử dụng.
14. Công nghệ vô hiệu hoá thiết bị tính thời gian sử dụng điện thoại.
15. Công nghệ vô hiệu hoá thiết bị kiểm tra, phát hiện vũ khí, vật liệu nổ, ma túy và đồ vật nguy hiểm khác, trừ trường hợp phục vụ nhu cầu an ninh.
16. Công nghệ sản xuất các loại vũ khí, khí tài, vật liệu nổ quân sự, trang thiết bị kỹ thuật quân sự, công cụ hỗ trợ, phương tiện vô hiệu hoá các thiết bị phát hiện việc truy cập mạng máy tính điện tử, trừ trường hợp phục vụ nhu cầu an ninh, quốc phòng.

II. Công nghệ chuyển giao từ tỉnh Bắc Giang ra nước ngoài

17. Công nghệ cấm chuyển giao theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên./.

Phụ lục 11**Mẫu****Đơn đề nghị đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang.

I. Các bên tham gia hợp đồng chuyển giao công nghệ:

1. Bên giao công nghệ:

Tên (tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ:

Tel: ; Email: ; Fax:

Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

Tên người đại diện: ; Chức danh:

2. Bên nhận công nghệ:

Tên (tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ:

Tel: ; Email: ; Fax:

Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

Tên người đại diện: ; Chức danh:

II. Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ:

1. Sản phẩm của công nghệ được chuyển giao

- Tên, ký hiệu sản phẩm.

- Tiêu chuẩn chất lượng (theo tiêu chuẩn cơ sở, Việt Nam, quốc tế...).

- Sản lượng:

- Tỷ lệ xuất khẩu (nếu xác định được):

2. Nội dung chuyển giao công nghệ:

Nội dung	Có	Không	Ghi chú
+ Bí quyết công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
+ Tài liệu kỹ thuật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
+ Đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
+ Trợ giúp kỹ thuật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
+ Li xăng các đối tượng sở hữu công nghiệp (sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hóa...)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Số đăng ký:

III. Các văn bản kèm theo Đơn đề nghị đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ:

- Hợp đồng bằng tiếng Việt , số lượng bản:.....
- Hợp đồng bằng tiếng (nước ngoài).... , số lượng bản:.....
- Các văn bản khác:
 - + Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy phép đầu tư, Đăng ký kinh doanh, Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ,...) của các bên tham gia hợp đồng.
 - + Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng
 - + Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có sử dụng vốn nhà nước)
 - + Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ)

Chúng tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TM. CÁC BÊN**BÊN NHẬN**

(chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

đối với chuyển giao công nghệ trong nước hoặc
chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam

hoặc

BÊN GIAO

(chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

đối với chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài

Lưu ý: Đối với ô trống , nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu X vào trong ô trống.

Phụ lục 12

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ đơn đề nghị đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ đề ngày tháng.... năm và hồ sơ Hợp đồng chuyển giao công nghệ của (tên tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ), nộp ngày ... tháng năm,

CHỨNG NHẬN

Hợp đồng:
(Tên hợp đồng, lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, tên và ký mã hiệu sản phẩm, ...).

Ký ngày: tháng năm

Bản gốc (hoặc bản sao) bằng tiếng Việt Nam gồm: trang , trong đó có các Phụ lục số...

Bên giao

Tên:

Địa chỉ:

Bên nhận

Tên:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy phép đầu tư, Đăng ký kinh doanh, Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ...số..... ngày.... tháng.... năm(tên cơ quan cấp).

Hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang.

Số đăng ký:/HD -CGCN, Quyển số:, ngày tháng năm...../.

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO NĂM
VỀ VIỆC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang.

1. Tên bên nhận công nghệ:

2. Địa chỉ:

3. Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy phép đầu tư, Đăng ký kinh doanh, Đăng ký hoạt động khoa học công nghệ,...) số... ngày...tháng...năm...của (tên cơ quan cấp).

4. Ngày chính thức hoạt động:

5. Các vấn đề về hoạt động chuyên giao công nghệ:

+ Tên hợp đồng chuyên giao công nghệ:

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyên giao công nghệ số...ngày...tháng...năm...của (tên cơ quan cấp).

+ Ngày sản xuất thương mại có sử dụng công nghệ chuyên giao.

5.1. Số lượng sản phẩm đã sản xuất trong năm theo công nghệ được chuyên giao:

5.2. Chất lượng sản phẩm so với quy định trong hợp đồng.

Đạt:

Không đạt:

5.3. Nội dung công nghệ đã chuyên giao trong năm:

Theo hợp đồng

Đã thực hiện

5.3.1. Tài liệu (hoặc bí quyết)

đã chuyên giao cho Bên nhận

.....

.....

(tên tài liệu, bí quyết)

5.3.2. Đào tạo:

- Số người x ngày được đào tạo

ở nước ngoài:

Cán bộ lãnh đạo người.ngày

..... người.ngày

Kỹ sư người.ngày

..... người.ngày

Công nhân, nhân viên người.ngày

..... người.ngày

- Số người x ngày được đào tạo

ở Việt Nam:

Cán bộ lãnh đạo người.ngày

..... người.ngày

Kỹ sư người.ngày

..... người.ngày

Công nhân, nhân viên người.ngày

..... người.ngày

5.3.3. Hỗ trợ kỹ thuật:

- Số người x ngày chuyên gia

hỗ trợ kỹ thuật tại Việt Namngười.ngàyngười.ngày

5.3.4. Các phát sinh liên quan đến chuyển giao công nghệ (nếu có)

- Nội dung:

.....

5.4. Chi phí đã thanh toán cho chuyển giao công nghệ trong năm:.....

TM. CƠ QUAN BÁO CÁO

(chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)